

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 2 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh); các thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *15*

- Như Điều 2;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, KGVX, NL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trương Hải Long

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai



Kèm theo Quyết định số 812 /QĐ-UBND ngày 23 /12 /2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Phần 1.

THỰC TRẠNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

I. Huyện nông thôn mới

Tỉnh Gia Lai có 17 đơn vị hành chính cấp huyện gồm 1 thành phố, 02 thị xã và 14 huyện. Đến nay, thành phố Pleiku, Thị xã An Khê và Ayun Pa đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Thực trạng các tiêu chí huyện nông thôn mới của 14 huyện trên địa bàn tỉnh đến tháng 10/2022 như sau:

1. Huyện Kbang: Đã đạt 4/9 tiêu chí, gồm các TC số 3, 4, 8, 9.
2. Huyện Đak Pơ: Đã đạt 3/9 tiêu chí, gồm các TC số 3, 4, 6.
3. Huyện Đak Đoa: Đã đạt 2/9 tiêu chí, gồm các TC số 3, 4.
4. Huyện Chư Sê: Đã đạt 6/9 tiêu chí, gồm các TC số 1, 2, 3, 4, 8, 9.
5. Huyện Chư Pưh: Đã đạt 2/9 tiêu chí, gồm các TC số 3, 4.
6. Huyện Ia Grai: Đã đạt 2/9 tiêu chí, gồm các TC số 4, 9.
7. Huyện Phú Thiện: Đã đạt 4/9 tiêu chí, gồm các TC số 3, 4, 8, 9.
8. Huyện Mang Yang: Đã đạt 2/9 tiêu chí, gồm các TC số 3, 4.
9. Huyện Kông Chro: Đã đạt 2/9 tiêu chí, gồm các TC số 3, 4.
10. Huyện Ia Pa: Đã đạt 3/9 tiêu chí, gồm các TC số 2, 3, 4.
11. Huyện Đrúc Cơ: Đã đạt 4/9 tiêu chí, gồm các TC số 2, 3, 4, 8.
12. Huyện Krông Pa: Đã đạt 3/9 tiêu chí, gồm các TC số 3, 4, 9.
13. Huyện Chư Prông: Đã đạt 3/9 tiêu chí, gồm các TC số 3, 8, 9.
14. Huyện Chư Păh: Đã đạt 2/9 tiêu chí, gồm các TC số 3, 9.

Bình quân đạt 3 tiêu chí/huyện.

II. Xã nông thôn mới:

Đến hết năm 2021, trên địa bàn tỉnh đã có 91/182 xã đạt 19 tiêu chí (được công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới); 29 xã đạt từ 15-18 tiêu chí; 56 xã đạt từ

10-14 tiêu chí; 06 xã đạt từ 05-9 tiêu chí; không còn xã đạt dưới 5 tiêu chí. Chi tiết đạt chuẩn các tiêu chí như sau¹:

- 182 xã đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch, chiếm 100%.
- 148 xã đạt tiêu chí số 2 về Giao thông, chiếm 81%.
- 179 xã đạt tiêu chí số 3 về Thủy lợi và Phòng chống thiên tai, chiếm 98%.
- 181 xã đạt tiêu chí số 4 về Điện, chiếm 99%.
- 132 xã đạt tiêu chí số 5 về Trường học, chiếm 73%.
- 149 xã đạt tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa, chiếm 82%.
- 182 xã đạt tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chiếm 100%.
- 179 xã đạt tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông, chiếm 98%.
- 132 xã đạt tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư, chiếm 73%.
- 98 xã đạt tiêu chí số 10 về Thu nhập, chiếm 54%.
- 127 xã đạt tiêu chí số 11 về Hộ nghèo, chiếm 70%.
- 182 xã đạt tiêu chí số 12 về Lao động, chiếm 100%.
- 157 xã đạt tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất, chiếm 86%.
- 161 xã đạt tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo, chiếm 88%.
- 158 xã đạt tiêu chí số 15 về Y tế, chiếm 87%.
- 169 xã đạt tiêu chí số 16 về Văn hóa, chiếm 93%.
- 111 xã đạt tiêu chí số 17 về Môi trường và An toàn thực phẩm, chiếm 61%.
- 124 xã đạt tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, chiếm 68%.
- 173 xã đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh, chiếm 95%.

Bình quân đạt 16,06 tiêu chí/xã.

III. Xã nông thôn mới nâng cao

Đến nay, trên địa bàn tỉnh chưa có xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

IV. Làng nông thôn mới

Đến cuối năm 2021, toàn tỉnh có 118/1.225 thôn, làng đạt trên địa bàn các xã chuẩn nông thôn mới chuẩn nông thôn mới, trong đó có 104 làng đồng bào dân tộc thiểu số.

V. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

Qua hơn 11 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây viết tắt là MTQG) xây dựng nông thôn mới đã nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp; sự cố gắng, nỗ lực của các sở, ngành và sự tham gia hưởng ứng của các tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp, Quân đội và người dân trên địa bàn tỉnh, qua đó đã đạt được nhiều kết quả như:

¹ Theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2016-2020

- Nhận thức của cán bộ, người dân ở cơ sở đã được nâng lên, từ trông chờ ỷ lại chuyển sang chủ động tham gia. Chương trình đã huy động cả hệ thống chính trị cùng vào cuộc tham gia xây dựng nông thôn mới.

- Ban Chỉ đạo và bộ phận tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp đã được thành lập, kiện toàn thường xuyên để tổ chức thực hiện thành công Chương trình. Hệ thống văn bản chỉ đạo, quản lý điều hành, các cơ chế, chính sách được ban hành đồng bộ, đầy đủ theo quy định của Trung ương.

- Về hạ tầng kinh tế - xã hội (đường giao thông, điện, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, trạm y tế, nước sinh hoạt...) tiếp tục được các địa phương chú trọng ưu tiên nguồn lực để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, góp phần thay đổi đáng kể diện mạo nông thôn, bước đầu cơ bản đáp ứng được yêu cầu sản xuất, và dân sinh.

- Phát triển sản xuất, tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chuyên đổi cây trồng vật nuôi, phát triển hợp tác xã, liên kết sản xuất và Chương trình Mỗi xã một sản phẩm được các địa phương quan tâm thực hiện.

- Công tác bảo vệ môi trường và cải tạo cảnh quan nông thôn đã được các địa phương trú trọng và ưu tiên bố trí nguồn lực để thực hiện, trong đó tập trung các lĩnh vực như thu gom xử lý rác thải, xử lý vỏ thuốc bảo vệ thực vật, hình thành được các tổ, đội thu gom rác thải. Nhiều mô hình cải tạo cảnh quan ở thôn đã được các địa phương áp dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tế như mô hình con đường hoa, hàng rào xanh, mô hình đường điện chiếu sáng,... tạo đà để vươn lên mô hình xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu.

- Chất lượng đời sống văn hóa tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao. Với đặc trưng văn hóa đa dạng của 44 dân tộc cùng sinh sống trên địa bàn, đã trú trọng công tác bảo tồn, phục dựng các giá trị văn hóa truyền thống như không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên, phát huy các thế mạnh về văn hóa để phát triển du lịch, nhất là du lịch nông thôn đang được phát triển.

- An ninh trật tự xã hội ở khu vực nông thôn được giữ vững, lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

- Triển khai thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TU, ngày 13/02/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy các cấp về xây dựng làng nông thôn mới trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh đã góp phần làm thay đổi đời sống vật chất tinh thần của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo hướng tích cực; tập quán của người dân trong làng từng bước được thay đổi theo hướng văn minh, đặc biệt là tập quán chăn nuôi thả rông, nuôi gia súc dưới sàn nhà; nhiều mô hình, cách làm hay, sáng tạo trong xây dựng làng nông thôn mới bước đầu đã được hình thành và mang lại hiệu quả thiết thực, thể hiện ý thức làm chủ của nhân dân trong việc tham gia xây dựng nông thôn mới.

2. Tồn tại, hạn chế:

- Địa bàn xây dựng nông thôn mới của tỉnh rộng, dân cư vùng nông thôn ở phân tán, xuất phát điểm thấp, người dân còn nghèo, trình độ sản xuất nông nghiệp lạc hậu, tỷ lệ hộ nghèo cao. Các thiết chế về hạ tầng như giao thông, thủy lợi, điện, cơ sở vật chất văn hóa còn thiếu thốn, đòi hỏi suất đầu tư lớn. Trong khi đó nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ còn hạn hẹp, sự đóng góp của người dân ít.

- Khoảng cách về kết quả xây dựng nông thôn mới giữa các địa phương trong tỉnh khá lớn.

- Công tác xây dựng thôn, làng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tuy bước đầu đã có kết quả, nhưng đây vẫn là địa bàn khó khăn nhất của tỉnh và là “lõi nghèo của cả nước”. Số hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 88,48% hộ nghèo khu vực nông thôn của tỉnh (*tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn của tỉnh năm 2020 là 7,04%*). Trình độ sản xuất nông nghiệp lạc hậu, khả năng tiếp nhận và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật chậm nên việc phát triển kinh tế để thoát nghèo gặp nhiều khó khăn; dễ bị các đối tượng phản động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo kích động, lôi kéo gây mất an ninh trật tự xã hội nông thôn.

- Xây dựng nông thôn mới còn nhiều khó khăn, thách thức, thiếu tính bền vững do tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi theo chiều hướng gia tăng; giá cả một số mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh như: cao su, hồ tiêu, mía đường, cà phê thấp kéo dài làm giảm thu nhập của người dân vùng nông thôn.

- Cấp ủy, chính quyền ở một số địa phương chưa thật sự nỗ lực, quyết tâm trong xây dựng nông thôn mới; việc triển khai chưa quyết liệt, có nơi giậm chân tại chỗ. Một bộ phận đội ngũ cán bộ trực tiếp triển khai Chương trình có trình độ còn hạn chế, chưa thật sự năng động, sáng tạo để tham mưu cho cấp ủy, chính quyền cơ sở tổ chức triển khai xây dựng nông thôn mới.

Phần 2.

KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Xây dựng nông thôn mới để đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn giàu có và thịnh vượng, tiệm cận với khu vực đô thị; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ, kết nối chặt chẽ với quá trình đô thị hóa; kinh tế nông thôn phát triển mạnh mẽ, trình độ sản xuất tiên tiến, nông dân chuyên nghiệp, sản phẩm có sức cạnh tranh cao, sản xuất nông nghiệp gắn với phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường,

cảnh quan, không gian nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp; hệ thống chính trị ở nông thôn được tăng cường; quốc phòng và an ninh trật tự được giữ vững ...

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đối với cấp huyện

Phấn đấu đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh có 10 địa phương cấp huyện đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể như sau:

- Đối với 03 địa phương được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (Thành phố Pleiku, thị xã An Khê và thị xã Ayun Pa): Tiếp tục duy trì và đạt chuẩn theo quy định của giai đoạn 2021-2025, không để bị thu hồi quyết định công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Phấn đấu có thêm 07 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, gồm: Kbang và Đak Pơ, Chư Sê, Chư Puh, Phú Thiện, Ia Grai, Đak Đoa.

2.2. Đối với cấp xã

a) Xã đạt chuẩn nông thôn mới:

Phấn đấu đến cuối năm 2025 trên địa bàn tỉnh có 124 xã được công nhận xã đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể như sau:

- Đối với 91 xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2021: Tiếp tục duy trì và phấn đấu đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, không có xã bị thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Phấn đấu có thêm 33 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025.

b) Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao:

Đến năm 2025 phấn đấu có 22 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

c) Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu:

Đến năm 2025 phấn đấu có 5 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

d) Bình quân tiêu chí đạt 17,75 tiêu chí/xã. Không còn xã đạt dưới 15 tiêu chí.

2.3. Đối với cấp thôn, làng

Trong giai đoạn 2022-2025, có 284 thôn, làng phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới. Trong đó, có 214 thôn, làng đồng bào dân tộc thiểu số theo Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 13/02/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ các cấp về xây dựng làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

Tổng số thôn, làng dự kiến phấn đấu đạt chuẩn đến cuối năm 2025 là 402 thôn, làng. Trong đó, có 318 thôn, làng đồng bào dân tộc thiểu số theo Chỉ thị số 12-CT/TU.

(Chi tiết tại các phụ lục II, III, IV kèm theo)

II. Nội dung

1. Xây dựng huyện nông thôn mới:

1.1. Thực hiện chỉ tiêu 100% xã trên địa bàn các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

Giai đoạn 2021-2025, tỉnh có 07 huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới. Đến cuối năm 2020, 07 huyện phấn đấu đạt chuẩn đều đã có trên 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong giai đoạn 2021-2025 phấn đấu đạt chuẩn 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể như sau:

Stt	Huyện	Tổng số xã trên địa bàn	Số xã đã đạt chuẩn đến cuối năm 2020	Kế hoạch đạt chuẩn các xã còn lại	
				Tổng số xã	Danh sách xã chưa đạt chuẩn
1	Kbang	13	7	6	Đak Rong, Krong, Lơ Ku, Đak Smar, Kon Pne, Kông Long Khong
2	Đak Pơ	7	4	3	An Thành, Yang Bắc, Ya Hội
3	Chư Sê	14	11	3	H'bông (đã đạt chuẩn năm 2021), Ia Ko, Ayun
4	Chư Puh	8	6	2	Chư Don, Ia Hla
5	Ia Grai	12	6	6	Ia Krái, Ia O (đã đạt chuẩn năm 2021), Ia Chía, Ia Khai, Ia Grăng, Ia Pếch
6	Phú Thiện	9	5	4	Ia Yeng, Ia Peng, Ia Hiao, Chư A Thai
7	Đak Đoa	16	8	8	Ia Băng, Ia Pết, Adok, HNol, Trang, Đăk Sơ Mei, Hà Đông, Kon Gang
Tổng		79	47	32	

1.2. Thực hiện chỉ tiêu có ít nhất 10% số xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao

Đến nay, trên địa bàn tỉnh chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Để đạt chuẩn 7 huyện nông thôn mới cần có ít nhất 11 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trong giai đoạn 2021-2025. Cụ thể như sau:

Stt	Huyện	Tổng số xã trên địa bàn	Số xã đạt chuẩn NTM nâng cao (10%)
1	Kbang	13	2 (đạt 15%): Sơn Lang, Nghĩa An
2	Đak Pơ	7	1 (đạt 14%): Tân An

Stt	Huyện	Tổng số xã trên địa bàn	Số xã đạt chuẩn NTM nâng cao (10%)
3	Chư Sê	14	2 (đạt 14%): Ia Blang, Ia Pal
4	Chư Puh	8	1 (đạt 13%): Ia Phang
5	Ia Grai	12	2 (đạt 16,6%): Ia sao, Ia Yok
6	Phú Thiện	9	1 (đạt 11%): Ia Ake
7	Đak Đoa	16	2 (đạt 13%): Nam Yang, Tân Bình

1.3. Thực hiện chỉ tiêu có 100% số thị trấn trên địa bàn huyện đạt chuẩn đô thị văn minh

Đối với 7 huyện phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đến nay đã có 2/7 thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh, gồm: Thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê và thị trấn Đak Pơ, huyện Đak Pơ.

Để đạt kế hoạch đạt chuẩn huyện nông thôn mới, trong giai đoạn 2021-2025 phần đầu đạt chuẩn đô thị văn minh cho 05 thị trấn (thị trấn Kbang, huyện Kbang; thị trấn Nhơn Hòa, huyện Chư Puh; thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai; thị trấn Phú Thiện, huyện Phú Thiện; thị trấn Đak Đoa, huyện Đak Đoa).

1.4. Thực hiện chỉ tiêu tổ chức và hoạt động của Văn phòng Điều phối nông thôn mới đúng quy định

Đến nay 14/14 huyện trên địa bàn tỉnh đã thành lập Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện và tổ chức hoạt động đúng quy định.

Trong giai đoạn 2021-2025 tiếp tục kiện toàn lại bộ máy Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện theo quy định tại Quyết định số 263/QĐ-TTg.

1.5. Thực hiện chỉ tiêu đạt chuẩn 9 tiêu chí huyện nông thôn mới

STT	Huyện	Mục tiêu phần đầu đạt chuẩn các tiêu chí			
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Kbang		Quy hoạch	Giao thông, Y tế - Văn hóa - Giáo dục	Kinh tế, Môi trường
2	Đak Pơ		Quy hoạch, Giao thông, Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công	Chất lượng môi trường sống	Y tế - Văn hóa - Giáo dục, Môi trường
3	Chư Sê		Quy hoạch		Y tế - Văn hóa -

STT	Huyện	Mục tiêu phấn đấu đạt chuẩn các tiêu chí			
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
					Giáo dục, Môi trường
4	Ia Grai		Quy hoạch	Giao thông, Thủy lợi, Y tế - Văn hóa - Giáo dục	Kinh tế, Môi trường, Chất lượng môi trường sống
5	Phú Thiện	Giao thông	Quy hoạch, Kinh tế, Môi trường		Y tế - Văn hóa - Giáo dục
6	Chư Puh		Giao thông	Quy hoạch, Môi trường	Y tế - Văn hóa - Giáo dục, Kinh tế, Chất lượng môi trường sống, Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công
7	Đak Đoa				Quy hoạch, Giao Thông, Y tế - Văn hóa - Giáo dục, Kinh tế, Môi trường, Chất lượng môi trường sống, Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công

2. Xây dựng xã nông thôn mới

2.1. Quy hoạch

Nhằm đáp ứng tiêu chí số 1 về Quy hoạch, làm cơ sở để triển khai các nội dung xây dựng nông thôn mới.

Rà soát, điều chỉnh lại quy hoạch xây dựng nông thôn mới theo Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn cho giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung theo quy hoạch đã được phê duyệt.

Đến cuối năm 2025 có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 1 về Quy hoạch.

2.2. Hạ tầng kinh tế - xã hội (tiêu chí số 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9)

a) Giao thông:

Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường; nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT đối với đường trục xã, liên xã; cứng hóa đường trục thôn, làng, đường nội đồng đảm bảo đi lại thuận tiện, không lầy lội vào mùa mưa.

Đến năm 2025 toàn tỉnh có ít nhất 179 xã đạt tiêu chí Giao thông (đạt 98%)

b) Thủy lợi và phòng, chống thiên tai:

Xây mới, cải tạo, nâng cấp công trình thủy lợi, trạm bơm; Kiên cố hóa kênh mương do xã quản lý; Thực hiện đúng các yêu cầu và quy định về công tác phòng chống thiên tai tại chỗ.

Đến năm 2025 toàn tỉnh có 179 xã đạt tiêu chí Thủy lợi và phòng, chống thiên tai (đạt 98,4%)

c) Điện:

Tiếp tục cải tạo, nâng cấp hệ thống điện trên địa bàn các xã để đảm bảo phục vụ sinh hoạt, sản xuất của người dân

Đến cuối năm 2023, trên địa bàn tỉnh có 182/182 xã đạt chuẩn tiêu chí Điện, đạt 100%.

d) Trường học:

Xây mới, nâng cấp, sửa chữa trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đạt chuẩn theo quy định. Cung cấp trang thiết bị trường học các cấp.

Đến năm 2025 toàn tỉnh có ít nhất 164 xã đạt tiêu chí Trường học (đạt 90%).

e) Cơ sở vật chất văn hóa:

Xây mới, nâng cấp, sửa chữa các Trung tâm văn hóa thể thao xã, nhà văn hóa, khu thể thao thôn, làng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.

Thực hiện tốt và duy trì các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao ở tất cả các thôn, làng, xã như tập dưỡng sinh, dạy võ thuật; thành lập câu lạc bộ cờ vua, cờ tướng...

Đến năm 2025 toàn tỉnh có 164 xã đạt tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa (đạt 90%).

f) Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

Cải tạo, nâng cấp, xây mới các chợ nông thôn.

Đến cuối năm 2025 có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí.

g) Thông tin và truyền thông:

- Tăng cường phát triển cơ sở hạ tầng bưu chính, viễn thông, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; duy trì và nâng cao chất lượng đạt được đối với Tiêu chí thành phần 8.1 về điểm phục vụ bưu chính, Tiêu chí thành phần 8.2 về số thôn, làng có dịch vụ viễn thông, Internet.

- Duy trì, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Đài truyền thanh không dây đang hoạt động tốt; từng bước chuyển đổi Đài Truyền thanh hữu tuyến/FM đã hư hỏng, xuống cấp không còn hoạt động sang đài truyền thanh ứng dụng Công nghệ thông tin - viễn thông; góp phần duy trì và nâng cao chất lượng đạt được đối với Tiêu chí thành phần 8.3 về Đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn, làng.

- Tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý, chỉ đạo và điều hành của các cấp; tăng cường tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hoạt động hành chính; góp phần duy trì và nâng cao chất lượng đạt được đối với Tiêu chí thành phần 8.4

về xã có ứng dụng Công nghệ thông tin trong Quản lý điều hành. Triển khai các mô hình chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh, nông thôn mới thông minh. Lắp đặt hệ thống mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...).

Đến năm 2025, phấn đấu đạt 100% xã đạt Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông.

h) Nhà ở dân cư:

Nâng cấp, sửa chữa và xây mới nhà ở dân cư đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ Xây dựng.

Xóa nhà tạm, nhà dột nát.

Đến năm 2025 toàn tỉnh có ít nhất 164 xã đạt tiêu chí Nhà ở dân cư (đạt 90%).

2.3. Kinh tế và tổ chức sản xuất (tiêu chí số 10, 11, 12, 13)

a) Thu nhập:

Đẩy mạnh phát triển sản xuất gắn với Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với phát triển ngành nghề, mở rộng liên kết theo chuỗi giá trị và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Triển khai chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng cho các sản phẩm nông nghiệp; tạo ra các sản phẩm có thương hiệu, sức cạnh tranh trên thị trường; đồng thời khơi dậy tinh thần tự lực, sáng tạo khởi nghiệp của người dân, hướng người dân tham gia tích cực vào nền kinh tế thị trường góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất khu vực nông thôn.

Triển khai thực hiện các dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi giá trị để đảm bảo đầu ra cho các sản phẩm, ổn định giá thị trường và thu nhập của người dân.

Thực hiện hiệu quả Chương trình khoa học, công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới; tăng cường công tác khuyến nông; đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao vào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

Đến năm 2025, có 164 xã đạt tiêu chí Thu nhập (đạt 90%).

b) Hộ nghèo:

Trên cơ sở lộ trình đăng ký xây dựng nông thôn mới và khả năng thực hiện của từng xã, các xã có kế hoạch giảm nghèo phù hợp đảm bảo theo quy định của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn; tập trung các giải pháp để giúp đỡ, hỗ trợ các đối tượng là hộ nghèo và hộ có nguy cơ tái nghèo, nguy cơ phát sinh nghèo.

Gắn việc triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội với triển khai các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Thường xuyên thực hiện rà soát tìm hiểu các nguyên nhân nghèo, qua đó để có giải pháp thích hợp, hỗ trợ tác động. Đồng thời tổ chức xây dựng và nhân

rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả, để áp dụng làm cơ sở học tập kinh nghiệm và nhân rộng.

Tăng cường giáo dục, tuyên truyền để người nghèo nâng cao nhận thức và có quyết tâm thoát nghèo. Thực hiện tốt chính sách tín dụng đối với người nghèo, hộ nghèo, trong đó nghiên cứu nâng mức tín dụng cho những đối tượng sản xuất kinh doanh có hiệu quả làm mô hình và thoát nghèo bền vững.

Phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể trên địa bàn triển khai thực hiện cuộc vận động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm trong đồng bào dân tộc thiểu số để từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững*”, “*phụ nữ giúp nhau thoát nghèo bền vững*” ...

Đến năm 2025 có 164 xã đạt tiêu chí Nghèo đa chiều (đạt 90%)

c) Lao động:

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn để nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp.

Việc xác định các nghề đào tạo cho lao động nông thôn hàng năm của tỉnh, xuất phát từ nhu cầu của người dân, phù hợp với điều kiện phát triển của từng xã, từng vùng và là nghề đã đem lại hiệu quả trong sản xuất cho người dân.

Tập trung đào tạo nghề, tạo nguồn nhân lực phục vụ cho tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Hướng dẫn các xã, tổ chức, đơn vị sản xuất tiến hành rà soát, điều tra khảo sát xác định nhu cầu lao động cần được đào tạo, ngành nghề đào tạo làm căn cứ định hướng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn; phát triển đội ngũ giáo viên dạy nghề phù hợp với nhu cầu ngành nghề cần đào tạo.

Phân đầu đến năm 2025 toàn tỉnh có 171 xã (94%) đạt tiêu chí Lao động.

d) Tổ chức sản xuất:

Triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; tổ chức các lớp tập huấn để hướng dẫn việc thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012 và các văn bản chế độ liên quan; các kiến thức về nghiệp vụ kế hoạch, kế toán - tài chính trong hợp tác xã một cách cụ thể, thiết thực; xây dựng và thực hiện áp dụng quy định nội dung ưu đãi, hỗ trợ nhằm khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng, nhân rộng các mô hình hợp tác xã, trang trại. Tạo điều kiện thuận lợi cho các hợp tác xã tham gia vào các chương trình, dự án sản xuất, kinh doanh và đầu tư bằng nhiều hình thức như xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn phục vụ sản xuất, bảo vệ môi trường trong sản xuất nông, lâm, thủy sản...

Phân đầu đến năm 2025 toàn tỉnh có 100% xã đạt tiêu chí Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn.

2.4. Văn hóa - xã hội - môi trường (tiêu chí số 14, 15, 16, 17)

a) Giáo dục và Đào tạo:

Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Đẩy mạnh thực hiện công tác tuyên truyền và công tác xã hội hóa giáo dục, thu hút sự quan tâm thiết thực của các cấp lãnh đạo, các ban ngành, đoàn thể và kêu gọi cộng đồng xã hội tham gia thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục trên địa bàn tỉnh.

Đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, dạy học, đồ chơi, xây dựng trường học khang trang, sạch đẹp và bảo đảm các điều kiện cho trẻ hoạt động tích cực để thu hút trẻ đến trường và duy trì được sĩ số.

Nâng cao chất lượng dạy và học đối với học sinh dân tộc thiểu số.

Tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực, phát huy tính năng động, chủ động, sáng tạo của người học. Chú ý rèn luyện một số kỹ năng sống cho học sinh.

Triển khai thực hiện Đề án “*Phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2021-2025*”, “*Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030*”, trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Đến năm 2025 có 164 xã (90%) hoàn thành tiêu chí Giáo dục và đào tạo

b) Y tế:

Tổ chức tuyên truyền, vận động để người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế; Xây dựng và củng cố mạng lưới y tế cơ sở nhằm nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và bổ sung cán bộ y tế đủ và đạt chuẩn; triển khai có hiệu quả công tác y tế dự phòng, phòng chống dịch bệnh. Tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ và trẻ em, đặc biệt quan tâm đến công tác phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ dưới 5 tuổi.

Đến năm 2025 phấn đấu có 182 xã đạt tiêu chí Y tế (đạt 100%)

c) Văn hóa:

Phát huy Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” đã được phát động sâu rộng trong toàn nhân dân, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Phong trào. Hàng năm, tổ chức tập huấn cho cán bộ cơ sở về kỹ năng triển khai các nhiệm vụ của Phong trào, hướng dẫn thực hiện các văn bản mới. Củng cố, kiện toàn Ban chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” tại các cấp. Các địa phương và các ngành, các cơ quan, đơn vị cần thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép Phong trào với các cuộc vận động khác như: “Ngày vì người nghèo”; “Cuộc vận động làm thay đổi nếp nghĩ cách làm trong đồng bào dân tộc thiểu số”; Cuộc vận động “năm không - ba sạch”, thực hiện nếp sống văn minh trong tiệc cưới, việc tang và lễ hội; xây dựng văn hóa giao thông, xây dựng văn minh đô thị,...

Quy trình đăng ký, bình xét, công nhận các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”... cần được thực hiện đúng theo quy định, chặt chẽ, khắc phục tính hình thức và bệnh thành tích.

Thành lập và phát huy vai trò của các tổ hòa giải ở thôn, làng góp phần giải quyết các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, không gây mất đoàn kết nội bộ, giữ gìn nếp sống văn minh, đoàn kết trong nhân dân.

Có kế hoạch tuyên truyền phổ biến pháp luật định kỳ cho nhân dân giúp họ có nhận thức đúng đắn về đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Đến năm 2025 có 178 xã đạt tiêu chí Văn hóa (đạt 97,8%).

d) Môi trường và An toàn thực phẩm:

Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình cấp nước, thoát nước khu dân cư, nghĩa trang nhân dân

Thực hiện các biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường của các cơ sở sản xuất-kinh doanh, chăn nuôi, doanh nghiệp trên địa bàn các xã;

Vận động người dân xây dựng nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt đúng theo quy định và đảm bảo 3 sạch.

Tuyên truyền, vận động người dân chỉnh trang hàng rào, cổng ngõ, thường xuyên tổ chức các đợt dọn vệ sinh, đảm bảo cảnh quang, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn.

Triển khai thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, góp phần vun đắp giá trị gia đình Việt Nam”, xây dựng các mô hình “Hàng rào xanh”, “Con đường hoa”, “Mỗi hộ có một vườn rau xanh và cây ăn trái”, “Chi hội phụ nữ 5 không, 3 sạch xây dựng nông thôn mới”, “Chi hội 5 có, 3 sạch xây dựng nông thôn mới”; “Nhà sạch, vườn đẹp”, “Thôn/làng phụ nữ kiểu mẫu”, “Ngày chủ nhật xanh, sạch, đẹp”....

Vận động các hộ chăn nuôi di dời chuồng trại ra phía xa nhà, xây dựng chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường..

Đến năm 2025 toàn tỉnh có ít nhất 164 xã đạt tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm (đạt 90%).

2.5. Hệ thống chính trị (tiêu chí số 18, 19)

a) Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật:

Từng bước kiện toàn các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở; Quy hoạch, đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ xã. Xây dựng Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”.

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã đạt chuẩn hàng năm để tổ chức thực hiện. Luân phiên đào tạo cán bộ chuyên trách (Đảng, chính quyền, đoàn thể, mặt trận), công chức chuyên môn cấp xã đạt chuẩn theo quy định. Kiên quyết giải quyết chế độ cho các cán bộ, công chức chưa đạt chuẩn mà không chịu đi học.

Triển khai thực hiện phong trào “Gia Lai chung sức xây dựng nông thôn mới”; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia xây dựng nông thôn mới theo cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 05 không 03 sạch”.

Thực hiện đầy đủ, bảo đảm các điều kiện công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

Thực hiện đầy đủ các quy định về bình đẳng giới.

Đến năm 2025 có ít nhất 173 xã đạt chuẩn tiêu chí Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (đạt 95%).

b) Quốc phòng và an ninh

Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

Thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng, chống nhằm làm thất bại âm mưu diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, giữ vững chủ quyền quốc gia, dân tộc, ngăn chặn, từng bước đẩy lùi các tệ nạn xã hội cờ bạc, ma túy, mê tín dị đoan, vi phạm an toàn giao thông... gìn giữ nông thôn bình yên.

Thực hiện có hiệu quả Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 18/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”.

Phát hiện và xử lý kịp thời các hoạt động phá hoại các công trình kinh tế, văn hoá, an ninh, quốc phòng; các hoạt động chống đối Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân; các hoạt động tuyên truyền, phát triển đạo trái pháp luật; gây rối an ninh trật tự ở nông thôn; đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng chống cháy, nổ và phòng ngừa tai nạn lao động nghiêm trọng.

Đến năm 2025 có 180 xã đạt chuẩn tiêu chí Quốc phòng và an ninh (đạt 99%).

3. Xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Rà soát, bổ sung điều chỉnh lại quy hoạch xây dựng nông thôn mới theo Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn cho giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung theo quy hoạch đã được phê duyệt.

Bảo trì, nâng cấp, xây dựng mới các công trình cơ sở hạ tầng đáp ứng theo yêu cầu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

Tiếp tục triển khai hiệu quả các giải pháp phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, giảm nghèo, phát triển y tế, văn hóa, giáo dục, môi trường, an ninh, quốc phòng đạt chuẩn theo tỷ lệ yêu cầu của Bộ tiêu chí.

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng dịch vụ công, công tác cải cách thủ tục hành chính. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành của cơ quan, đơn vị; chú trọng trọng

việc xử lý công việc và giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường mạng góp phần xây dựng nền hành chính nhà nước hiện đại, hiệu quả.

Xây dựng và nhân rộng các mô hình phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hiệu quả; Tăng cường tập huấn, nâng cao trình độ cho cán bộ hòa giải cấp cơ sở để đảm bảo hiệu quả công tác hòa giải, tăng tỷ lệ các vụ hòa giải thành công. Thường xuyên phổ biến, tuyên truyền kiến thức pháp luật đến tận cơ sở, mọi tầng lớp nhân dân dưới nhiều hình thức. Thành lập các tổ chức cơ sở, hỗ trợ pháp luật cho người dân khi có nhu cầu.

4. Xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu

Phát triển những thế mạnh của xã, tập trung đầu tư vào tiêu chí nổi trội, đặc trưng của xã để đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định của Bộ tiêu chí.

5. Xây dựng thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới, khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu

Triển khai thực hiện các nội dung quy hoạch xã nông thôn mới trên địa bàn các thôn, làng.

Lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án triển khai trên địa bàn, huy động ngân sách huyện, xã để đầu tư, hoàn thiện các tiêu chí cơ sở hạ tầng theo quy định của bộ tiêu chí.

Triển khai hiệu quả các giải pháp phát triển sản xuất, đặc biệt là kinh tế hộ để tăng thu nhập, giảm tỷ lệ hộ nghèo.

Đảm bảo y tế, văn hóa, giáo dục, môi trường, an ninh, trật tự xã hội tại các thôn, làng.

Vận động người dân phát quang, dọn vệ sinh đường ngõ xóm, trồng hàng rào xanh, con đường hoa; Vận động, hỗ trợ người dân xây mới, sửa chữa nhà tiêu hợp vệ sinh; đào hố rác để thu gom rác thải, không vứt rác bừa bãi ra môi trường; di dời chuồng trại chăn nuôi ra sau nhà, xa nơi ở người dân; trồng cây ăn quả và cây xanh tại các công trình công cộng, tuyến đường ngõ xóm và xung quanh nhà ở của người dân tạo cảnh quang môi trường xanh - sạch - đẹp.

Duy trì, đẩy mạnh thực hiện các phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “gia đình văn hóa”, “thôn, làng văn hóa”; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa của người đồng bào, bài trừ các thủ tục lạc hậu, đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, thể thao trong làng.

Vận động người dân xây dựng, chỉnh trang nhà ở và các công trình phụ trợ đảm bảo theo tiêu chuẩn, kiến trúc phù hợp với phong tục, tập quán đặc trưng của từng dân tộc, địa phương.

III. Huy động nguồn vốn thực hiện Chương trình:

1. Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Chương trình: 40.204.165 triệu đồng
2. Cơ cấu nguồn vốn thực hiện:
 - 2.1. Vốn ngân sách Nhà nước: 14.714.276 triệu đồng.

a) Vốn đầu tư trực tiếp cho chương trình: 5.235.393 triệu đồng, gồm:

- Ngân sách Trung ương: 1.239.680 triệu đồng; trong đó:

+ Vốn Đầu tư phát triển: 1.004.520 triệu đồng.

+ Vốn Sự nghiệp: 235.160 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 3.995.713 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách tỉnh: Tại Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, tổng vốn Đầu tư phát triển ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 là 1.935.841 triệu đồng. Vốn sự nghiệp năm 2021, 2022 tỉnh đầu tư chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 31.680 triệu đồng, dự kiến giai đoạn 2023-2025 mỗi năm hỗ trợ 20.000 triệu đồng. Tổng vốn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình là 2.027.521 triệu đồng.

+ Ngân sách cấp huyện, xã: 1.968.192 triệu đồng, trong đó ngân sách huyện là 1.476.144 triệu đồng (khoảng 75%), ngân sách xã là 492.048 triệu đồng (khoảng 25%).

b) Vốn từ lồng ghép từ các Chương trình MTQG, các chương trình, dự án khác như Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2023, vốn đầu tư công trung hạn của ngân sách trung ương và các huyện, vốn sự nghiệp kinh tế, y tế, giáo dục, văn hóa của các huyện ... là 9.478.883 triệu đồng.

2.2. Vốn huy động: 25.498.889 triệu đồng.

a) Vốn tín dụng: Theo Công văn số 209/GLA-THNS&KSNB ngày 24/3/2020 của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Gia Lai là 16.200.000 triệu đồng.

b) Vốn từ các Doanh nghiệp, Hợp tác xã và các loại hình kinh tế khác: 5.502.315 triệu đồng.

c) Vốn đóng góp của cộng đồng: 3.787.574 triệu đồng

IV. Giải pháp thực hiện

1. Về công tác chỉ đạo triển khai thực hiện

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền và các đoàn thể phải vào cuộc với quyết tâm chính trị cao, tăng cường công tác lãnh đạo, xác định nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên; công tác lãnh đạo, chỉ đạo phải sâu sát và dứt khoát.

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh và từng địa phương. Trên cơ sở đó, các sở, ban ngành của tỉnh được giao nhiệm vụ phụ trách địa bàn, phụ trách tiêu chí/chỉ tiêu nông thôn mới xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện để đạt được các tiêu chí nông thôn mới của ngành mình được giao phụ trách trong năm; tích cực đi kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình theo nhiệm vụ được phân công. Định kỳ hàng quý, 6

tháng, năm báo cáo kết quả thực hiện về cơ quan Thường trực Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Kiện toàn lại hệ thống Văn phòng Điều phối cấp tỉnh, cấp huyện; phân công công chức cấp xã phụ trách về xây dựng nông thôn mới theo hướng chuyên nghiệp, chuyên trách, phát huy hiệu quả của cơ quan giúp việc cho Ban Chỉ đạo các cấp.

- Tiếp tục ban hành Kế hoạch phân công các đơn vị Quân đội đảm nhận địa bàn xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, góp phần xây dựng mối quan hệ tình đoàn kết quân dân, tạo thế trận lòng dân vững chắc, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

2. Về công tác thông tin, tuyên truyền

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về chủ trương, cơ chế chính sách, cách làm hay và một số mô hình tốt để người dân hiểu rõ về Chương trình, tự nguyện ủng hộ và tham gia xây dựng công trình trên địa bàn thôn, làng, xã: hiến đất, đóng góp ngày công lao động, cơ sở vật chất, kinh phí, chăm lo xây dựng gia đình văn hóa, giáo dục con cái học hành...

- Chính quyền các cấp, các ngành, các đoàn thể như Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân các cấp cần xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên bằng nhiều hình thức, tạo sức lan tỏa và trở thành công việc thường ngày tại các cộng đồng dân cư. Tổ chức cho cán bộ chủ chốt cấp xã, người có uy tín tại các thôn, làng đi tham quan học tập những việc làm hay, cách làm sáng tạo ở các mô hình xây dựng nông thôn tại các địa phương.

- Triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung của Chương trình truyền thông phục vụ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025.

3. Về tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp

- Nâng cao nhận thức, kiến thức, trình độ chuyên môn, năng lực - kỹ năng quản lý, điều hành và thực thi cho cán bộ xây dựng nông thôn mới ở các cấp và cán bộ trong hệ thống chính trị, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ năng lực để triển khai hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

- Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ các cấp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025.

4. Về xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn

- Xây dựng kế hoạch tận dụng, nâng cấp các công trình hiện có, bảo tồn các công trình lịch sử, văn hóa. Tiếp tục áp dụng rộng rãi cơ chế hỗ trợ vật tư để

dân tự làm các công trình không yêu cầu kỹ thuật phức tạp. Chủ động lựa chọn một số hạng mục công trình hạ tầng cấp xã để tập trung ưu tiên xây dựng, tạo ra chuyển biến đột phá trên phạm vi từng địa phương.

- Thực hiện công khai cơ cấu các nguồn kinh phí đầu tư đối với các công trình xây dựng hạ tầng cơ sở nông thôn để người dân thảo luận, tự nguyện tham gia hiến đất, đóng góp công sức, tiền của.

- Huy động tối đa và lồng ghép các nguồn lực để nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu, nhất là cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế, đời sống hàng ngày của người dân như: Giao thông, thủy lợi, trường học, trạm y tế, cấp nước sinh hoạt...; đồng thời xây dựng quy ước bảo vệ, sử dụng và duy tu bảo dưỡng các công trình để mỗi công trình đều có chủ thể quản lý, sử dụng cụ thể, nhất là công trình nước sinh hoạt, giao thông.

5. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn

- Triển khai hiệu quả Kế hoạch Cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025 ban hành ban hành theo Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 9/12/2021 gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Triển khai có hiệu quả các chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức việc đào tạo nghề, tạo nguồn nhân lực phục vụ cho cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách để ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ phù hợp, nhất là công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp; ưu tiên các khâu giống, quy trình canh tác, tưới tiết kiệm nước, bón phân, bảo quản sau thu hoạch, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh áp dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp đặc biệt chú trọng công nghệ sinh học, cơ giới hóa nông nghiệp,...

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất; ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao liên kết theo chuỗi giá trị; thúc đẩy thực hiện bảo hiểm trong nông nghiệp.

- Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động thay đổi cách nghĩ, cách làm của người đồng bào dân tộc thiểu số, tuyên truyền xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, biết cách tiêu dùng tiết kiệm để cải thiện cuộc sống. Thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho người dân ở nông thôn, đặc biệt là người đồng bào dân tộc thiểu số.

- Triển khai có hiệu quả Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm - OCOP”.

6. Về phát triển giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường và xây dựng đời sống văn hóa nông thôn mới, giữ vững an ninh trật tự xã hội ở nông thôn

- Cải thiện chất lượng giáo dục theo hướng nâng cao chất lượng dạy và học, chú ý việc đào tạo kỹ năng sống cho học sinh; thực hiện tốt chính sách đào

tạo nguồn nhân lực tại chỗ và chính sách khuyến khích, ưu đãi thu hút học sinh, sinh viên có thành tích học tập tốt, có trình độ cao về địa phương công tác; thực hiện chính sách phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xây dựng nông thôn mới; khuyến khích và phát triển quỹ Khuyến học ở nông thôn. Đảm bảo trang thiết bị trường học và nhân lực để triển khai có hiệu quả phương pháp học trực tuyến, phù hợp với nhu cầu trong tình hình mới.

- Thực hiện tốt việc chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám chữa bệnh cho Nhân dân, nhất là ở tuyến cơ sở; thực hiện tốt chính sách về bảo hiểm y tế cho người dân nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số cần được thực hiện một cách thiết thực và hiệu quả nhất nhằm tạo niềm tin cho người dân, để họ tích cực tham gia các hình thức bảo hiểm y tế. Tiếp tục đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trạm y tế xã, đặc biệt là cơ sở hạ tầng phải đảm bảo đủ các phòng chức năng và công trình phụ trợ theo qui định. Tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ và trẻ em, đặc biệt quan tâm đến công tác phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ dưới 5 tuổi.

- Tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ nhân dân thực hiện các nội dung về phát triển văn hóa xã hội, môi trường, đảm bảo an ninh trật tự ở nông thôn. Xây dựng một số mô hình thôn, làng đạt chuẩn văn hóa theo hướng giữ gìn và phát huy nét truyền thống văn hóa tốt đẹp của từng dân tộc, từng thôn, làng.

- Làm tốt công tác bảo tồn, tôn tạo phát huy các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể. Nâng cao chất lượng phong trào: “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá, văn minh đô thị”. Trong đó trọng tâm là xây dựng gia đình văn hoá, thôn, làng văn hoá, khu dân cư văn hoá.

- Tăng cường các hoạt động bảo vệ môi trường xanh-sạch-đẹp, nhất là việc kiểm tra, xử lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh không có hệ thống xử lý nước thải, rác thải, gây ô nhiễm môi trường. Đồng thời, phát động và duy trì phong trào toàn dân thực hiện vệ sinh môi trường, đặc biệt là khuôn viên trụ sở các cơ quan, trường học, trạm y tế.... nhằm tạo nên một bộ mặt nông thôn xanh, sạch, đẹp, văn minh.

- Nâng cao hệ thống chính trị trên địa bàn xã.

- Giữ vững an ninh trật tự xã hội ở nông thôn.

7. Về vốn đầu tư

Thực hiện đa dạng hóa việc huy động nguồn lực để triển khai thực hiện Chương trình, bao gồm:

- Vốn hỗ trợ trực tiếp từ Chương trình được Trung ương bố trí hàng năm và huy động tối đa các nguồn lực từ ngân sách tỉnh, huyện và xã để xây dựng nông thôn mới.

- Lồng ghép các nguồn vốn của Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và các Chương trình, dự án hỗ trợ đang được triển khai trên địa bàn, như: Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương; Hỗ trợ thành lập mới tổ sản xuất, hợp tác xã; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển cây trồng bền vững..., để xây dựng nông thôn mới.

- Kêu gọi sự tham gia đóng góp của các doanh nghiệp đứng chân trên địa bàn xã, đặc biệt là các doanh nghiệp mía đường, cà phê, cao su, mỳ, trồng rừng ... đầu tư vào nông thôn mới.

- Vốn đóng góp của nhân dân bằng đất đai, ngày công lao động và bằng tiền theo từng hạng mục công trình cụ thể, do dân tự nguyện tham gia theo quy định hiện hành và khả năng đóng góp của người dân.

8. Về xây dựng làng nông thôn mới

Tập trung huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị để việc xây dựng làng nông thôn mới trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trở thành một phong trào toàn dân. Từng cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm đã phân công phụ trách từng phần việc trong triển khai xây dựng làng nông thôn mới; việc phân công nhiệm vụ phụ trách từng phần việc trong triển khai xây dựng làng nông thôn mới, gắn với công tác thi đua khen thưởng và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên.

Cấp ủy, chính quyền các huyện, thị xã, thành phố, đặc biệt là người đứng đầu cần xác định rõ trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và phân công cụ thể các đồng chí ủy viên Ban thường vụ phụ trách công tác xây dựng làng nông thôn mới trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với các đơn vị, ban, ngành cùng cấp tăng cường giám sát, tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia thực hiện xây dựng làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số gắn với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm trong đồng bào dân tộc thiểu số để từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững”, chủ động lựa chọn những nội dung thiết thực để phối hợp vận động, khích lệ, động viên các tổ chức, cá nhân chung sức, đồng lòng xây dựng làng nông thôn mới trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó trọng tâm là giám sát việc bảo vệ môi trường, đẩy mạnh triển khai xây dựng và nhân rộng mô hình phát triển sản xuất tăng thu nhập; xây dựng cảnh quan môi trường; đảm bảo an ninh trật tự xã hội; xây dựng đời sống văn hóa trong cộng đồng dân cư.

V. Phân công nhiệm vụ

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Là Cơ quan Thường trực của Chương trình, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Chương trình và tổng hợp, báo cáo định kỳ 6 tháng, năm và báo cáo sơ kết, tổng kết và đột xuất (khi có yêu cầu) kết quả triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo kết quả thực hiện của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về các nội dung:

+ Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên tai cấp xã, huyện, đảm bảo bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu;

+ Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ các vùng nguyên liệu tập trung gắn với liên kết chuỗi giá trị, cơ sở hạ tầng các cụm làng nghề, ngành nghề nông thôn;

+ Xây dựng, hoàn thiện các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, đảm bảo chất lượng đạt chuẩn theo quy định;

+ Tập trung triển khai cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ theo hướng kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên và hạ tầng kinh tế xã hội;

+ Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp;

+ Phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn;

+ Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tăng tỷ lệ trồng hoa, cây xanh phân tán gắn với triển khai Kế hoạch số 2525/KH-UBND ngày 12/8/2022 về triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểu mẫu;

+ Đảm bảo vệ sinh môi trường tại các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản;

+ Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, đặc biệt xây dựng hệ thống giám sát thông qua bản đồ số và cơ sở dữ liệu; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng;

+ Tăng cường nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, đặc biệt cán bộ cơ sở.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai hiệu quả các Chương trình chuyên đề: Mỗi xã một sản phẩm OCOP; chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh; Khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới; Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn thực hiện nội dung đầu tư xây dựng các trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện, trung tâm kỹ thuật nông nghiệp, hệ thống trung tâm cung ứng nông sản hiện đại.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện nội dung phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã và các sở, ngành có liên quan hướng dẫn thực hiện nội dung nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng nông thôn mới; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng nông thôn mới.

- Chủ trì, phối hợp với Hội Nông dân hướng dẫn nội dung: Đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiện toàn bộ máy giúp việc cho Chương trình các cấp theo đúng quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các Bộ tiêu chí nông thôn mới các cấp (thôn, làng; xã; huyện) theo các mức đạt chuẩn (nông thôn mới, nâng cao, kiểu mẫu) giai đoạn 2021-2025 thực hiện trên địa bàn tỉnh; Báo cáo kết quả thực hiện chương trình định kỳ, đột xuất theo yêu cầu; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chương trình hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng phương án phân bổ vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương trung hạn 5 năm và hàng năm cho các Sở, ban, ngành, các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện các mục tiêu của Chương trình, hỗ trợ các chương trình chuyên đề, Chương trình vốn vay ADB, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, phát sinh trong quá trình triển khai Chương trình gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp vào Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước trung hạn 5 năm và hàng năm thực hiện Chương trình, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện nội dung về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; chủ trì tổ chức đào tạo nghề

nông nghiệp cho lao động nông thôn, hỗ trợ xây dựng các chương trình, mô hình khởi nghiệp, sáng tạo.

- Hướng dẫn các sở, ban, ngành có liên quan và các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai kế hoạch vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương hàng năm đã được cấp có thẩm quyền phân bổ.

- Triển khai các nội dung và chịu trách nhiệm thẩm tra, thẩm định các chỉ tiêu, tiêu chí do ngành phụ trách đã được phân công tại Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 18/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân công nhiệm vụ phụ trách thực hiện các Bộ tiêu chí về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Thực hiện theo dõi, kiểm tra, hỗ trợ huyện Ia Pa đã được giao phân công, phụ trách tại Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 05/4/2022 của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025 trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì phối hợp với các sở ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển hỗ trợ thực hiện Chương trình 5 năm và hàng năm.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình theo đúng tỷ lệ 1:1.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo kết quả thực hiện, giải ngân của UBND các huyện, thị xã, thành phố nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình.

- Thực hiện theo dõi, kiểm tra, hỗ trợ thị xã Ayun Pa đã được giao phân công, phụ trách tại Quyết định số 01/QĐ-BCĐ trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

3. Sở Tài chính:

- Chủ trì phối hợp với các sở ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn vốn sự nghiệp hỗ trợ thực hiện Chương trình 5 năm và hàng năm cho các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn sự nghiệp ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình theo đúng tỷ lệ tối thiểu 1:1.

- Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tài chính về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện các nội dung, hoạt động, dự án và các Chương trình mục tiêu quốc gia, Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị và địa phương triển khai thực

hiện; theo dõi, kiểm tra, báo cáo kết quả giải ngân vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình theo đúng quy định.

- Thực hiện Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thị xã An Khê đã được giao phân công, phụ trách tại Quyết định số 01/QĐ-BCĐ trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

4. Sở Xây dựng:

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo kết quả thực hiện của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về các nội dung:

+ Quy hoạch nông thôn và quy hoạch vùng huyện;

+ Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ nhà ở, xóa nhà tạm, dột nát; nâng cao chất lượng nhà ở dân cư;

+ Quản lý nghĩa trang đảm bảo phù hợp với quy định và quy hoạch.

- Triển khai các nội dung và chịu trách nhiệm thẩm tra, thẩm định các chỉ tiêu, tiêu chí do ngành phụ trách đã được phân công tại Quyết định số 463/QĐ-UBND.

- Thực hiện theo dõi, kiểm tra, hỗ trợ thành phố Pleiku đã được giao phân công, phụ trách tại Quyết định số 01/QĐ-BCĐ trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

5. Sở Nội vụ:

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo kết quả thực hiện của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về các nội dung:

+ Triển khai đề án về đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, chuyển đổi tư duy về phát triển kinh tế nông thôn cho cán bộ, công chức xã theo quy định, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới;

+ Tiếp tục triển khai rộng khắp phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”.

- Triển khai các nội dung và chịu trách nhiệm thẩm tra, thẩm định các chỉ tiêu, tiêu chí do ngành phụ trách đã được phân công tại Quyết định số 463/QĐ-UBND.

- Thực hiện theo dõi, kiểm tra, hỗ trợ huyện Mang Yang đã được giao phân công, phụ trách tại Quyết định số 01/QĐ-BCĐ trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

6. Sở Lao động và Thương binh - Xã hội:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo kết quả thực hiện của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về các nội dung:

+ Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường; hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn;

+ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và các chính sách an sinh xã hội.

+ Tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường chăm sóc, bảo vệ trẻ em và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

- Triển khai các nội dung và chịu trách nhiệm thẩm tra, thẩm định các chỉ tiêu, tiêu chí do ngành phụ trách đã được phân công tại Quyết định số 463/QĐ-UBND.

- Thực hiện theo dõi, kiểm tra, hỗ trợ thành phố Pleiku đã được giao phân công, phụ trách tại Quyết định số 01/QĐ-BCĐ trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

7. Sở Tài nguyên - Môi trường:

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo kết quả thực hiện của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về các nội dung:

+ Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn; thu hút các doanh nghiệp đầu tư các khu xử lý chất thải tập trung quy mô liên huyện, liên tỉnh; đầu tư hạ tầng các điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt; xây dựng các mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô tập trung (cấp huyện và liên huyện), ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường; đầu tư, cải tạo, nâng cấp đồng bộ hệ thống thu gom, thoát nước thải và các công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung và tại chỗ phù hợp;

+ Xây dựng và tổ chức hướng dẫn thực hiện các Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo theo quy định; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh;

+ Thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải (phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi, bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, chất thải nhựa...) theo nguyên lý tuần hoàn; tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ở Việt Nam; xây dựng cộng đồng dân cư không rác thải nhựa;

+ Đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên;

- Triển khai các nội dung và chịu trách nhiệm thẩm tra, thẩm định các chỉ tiêu, tiêu chí do ngành phụ trách đã được phân công tại Quyết định số 463/QĐ-UBND.

- Thực hiện theo dõi, kiểm tra, hỗ trợ huyện Đak Pơ đã được giao phân công, phụ trách tại Quyết định số 01/QĐ-BCĐ trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

8. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Phối hợp với các sở, ngành địa phương và đơn vị liên quan đề xuất các biện pháp thúc đẩy các hoạt động phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường công nghệ, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ, hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

- Thông tin đến các Sở, ngành, địa phương các thông tin khoa học và công nghệ như: sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, thông tin kết quả nghiên cứu và triển khai các đề tài dự án, các quy trình kỹ thuật, hỗ trợ kết nối cung cầu công nghệ, ứng dụng thành tựu khoa học và kỹ thuật mới vào trong sản xuất.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan hỗ trợ các địa phương xác lập, quản lý, khai thác và phát triển quyền sở hữu công nghệ cho các sản phẩm mang địa danh của tỉnh Gia Lai (Nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý),...

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.

- Thực hiện theo dõi, kiểm tra, hỗ trợ huyện Đak Đoa đã được giao phân công, phụ trách tại Quyết định số 01/QĐ-BCĐ trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

9. Sở Giao thông vận tải:

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo kết quả thực hiện của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về các nội dung hoàn thiện và nâng cao hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã, hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên huyện.

- Triển khai các nội dung và chịu trách nhiệm thẩm tra, thẩm định các chỉ tiêu, tiêu chí do ngành phụ trách đã được phân công tại Quyết định số 463/QĐ-UBND.

- Thực hiện theo dõi, kiểm tra, hỗ trợ huyện Chư Puh đã được giao phân công, phụ trách tại Quyết định số 01/QĐ-BCĐ trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

10. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo kết quả thực hiện của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về các nội dung:

+ Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất văn hóa thể thao cấp xã, thôn, các trung tâm văn hóa - thể thao huyện; tu bổ, tôn tạo các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch nông thôn;

+ Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, nâng cao sức khỏe cho

người dân (nhất là trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi). Phát động các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe, văn hóa, văn nghệ quần chúng phù hợp với từng đối tượng, từng địa phương; nhân rộng mô hình câu lạc bộ hoạt động văn hóa văn nghệ nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống;

+ Tăng cường kiểm kê, ghi danh các di sản văn hóa; bảo tồn và phát huy di sản văn hóa; nghiên cứu, mở rộng mô hình kết nối văn hóa truyền thống và văn hóa mới, đảm bảo đa dạng về văn hóa vùng miền, dân tộc phục vụ phát triển du lịch.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện Chương trình về phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới.

- Triển khai các nội dung và chịu trách nhiệm thẩm tra, thẩm định các chỉ tiêu, tiêu chí do ngành phụ trách đã được phân công tại Quyết định số 463/QĐ-UBND.

- Thực hiện theo dõi, kiểm tra, hỗ trợ huyện Chư Păh đã được giao phân công, phụ trách tại Quyết định số 01/QĐ-BCĐ trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

11. Sở Y tế:

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo kết quả thực hiện của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về các nội dung:

+ Xây dựng, cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho các trạm y tế xã, trung tâm y tế huyện;

+ Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế;

+ Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; cải thiện vệ sinh hộ gia đình.

- Triển khai các nội dung và chịu trách nhiệm thẩm tra, thẩm định các chỉ tiêu, tiêu chí do ngành phụ trách đã được phân công tại Quyết định số 463/QĐ-UBND.

- Thực hiện theo dõi, kiểm tra, hỗ trợ huyện Phú Thiện đã được giao phân công, phụ trách tại Quyết định số 01/QĐ-BCĐ trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

12. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo kết quả thực hiện của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về các nội dung:

+ Xây dựng, hoàn chỉnh các công trình cấp xã, cấp huyện đảm bảo đạt chuẩn cơ sở vật chất cho các trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học,

trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Nâng cao chất lượng, phát triển giáo dục ở nông thôn, trong đó, chú trọng duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở. Duy trì, củng cố chất lượng biết chữ mức độ 1; từng bước nâng cao tỷ lệ biết chữ mức độ 2 cho người lớn trong độ tuổi 15-60 tuổi.

- Triển khai các nội dung và chịu trách nhiệm thẩm tra, thẩm định các chỉ tiêu, tiêu chí do ngành phụ trách đã được phân công tại Quyết định số 463/QĐ-UBND.

- Thực hiện theo dõi, kiểm tra, hỗ trợ huyện Kông Chro đã được giao phân công, phụ trách tại Quyết định số 01/QĐ-BCĐ trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

13. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo kết quả thực hiện của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về các nội dung: Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở, ưu tiên phát triển, nâng cấp các đài truyền thanh xã có cụm loa hoạt động đến thôn và tăng cường phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện; phát triển và duy trì các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tư pháp hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo kết quả thực hiện của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về nội dung: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo hướng minh bạch, công khai và hiệu quả ở các cấp (xã, huyện, tỉnh); gắn mã, cập nhật, thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam; bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ cấp xã; phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn.

- Chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước các thông tin về nội dung chương trình xây dựng nông thôn mới, qua đó tạo sự đồng thuận trong Nhân dân để chủ động, tích cực tham gia.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp Bưu chính, Viễn thông phát triển cơ sở hạ tầng thông tin hiện đại, an toàn có dung lượng lớn, tốc độ cao, vùng phủ sóng rộng đến vùng sâu, vùng xa,... nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính, viễn thông góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

- Phối hợp, hướng dẫn các địa phương rà soát, đánh giá hệ thống đài truyền thanh cấp xã. Trên cơ sở đó, từng bước chuyển đổi đài truyền thanh hữu

tuyến/FM đã hư hỏng, xuống cấp không còn hoạt động sang đài truyền thanh ứng dụng Công nghệ thông tin – Viễn thông.

- Triển khai các nội dung và chịu trách nhiệm thẩm tra, thẩm định các chỉ tiêu, tiêu chí do ngành phụ trách đã được phân công tại Quyết định số 463/QĐ-UBND.

- Thực hiện theo dõi, kiểm tra, hỗ trợ huyện Ia Grai đã được giao phân công, phụ trách tại Quyết định số 01/QĐ-BCĐ trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

14. Sở Công Thương:

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo kết quả thực hiện của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về các nội dung:

- + Cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn theo hướng an toàn, tin cậy, ổn định và đảm bảo mỹ quan;

- + Đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã; các chợ trung tâm, chợ đầu mối;

- + Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn gắn với việc đáp ứng các tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn và đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Triển khai các nội dung và chịu trách nhiệm thẩm tra, thẩm định các chỉ tiêu, tiêu chí do ngành phụ trách đã được phân công tại Quyết định số 463/QĐ-UBND.

- Thực hiện theo dõi, kiểm tra, hỗ trợ huyện Krông Pa đã được giao phân công, phụ trách tại Quyết định số 01/QĐ-BCĐ trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

15. Sở Tư pháp:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo kết quả thực hiện các nội dung:

- + Tăng cường hiệu quả công tác quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn;

- + Nâng cao nhận thức, thông tin về trợ giúp pháp lý; tăng cường khả năng thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý.

- Triển khai các nội dung và chịu trách nhiệm thẩm tra, thẩm định các chỉ tiêu, tiêu chí do ngành phụ trách đã được phân công tại Quyết định số 463/QĐ-UBND.

- Thực hiện theo dõi, kiểm tra, hỗ trợ huyện Chư Sê đã được giao phân công, phụ trách tại Quyết định số 01/QĐ-BCĐ trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

16. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo kết quả thực hiện nội dung: Xây dựng lực lượng dân quân vũng mạnh, rộng khắp, hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao; góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn

với nền an ninh Nhân dân, thế trận an ninh Nhân dân; tích cực xây dựng địa bàn nông thôn vững mạnh toàn diện, bảo đảm giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng trong xây dựng ủy ban nhân dân.

- Triển khai các nội dung và chịu trách nhiệm thẩm tra, thẩm định các chỉ tiêu, tiêu chí do ngành phụ trách đã được phân công tại Quyết định số 463/QĐ-UBND.

- Thực hiện theo dõi, kiểm tra, hỗ trợ huyện Đức Cơ đã được giao phân công, phụ trách tại Quyết định số 01/QĐ-BCĐ trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

17. Công an tỉnh:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo kết quả thực hiện nội dung: Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh ngay từ đầu, từ nơi xuất phát và ngay tại cơ sở; đồng thời chuẩn bị sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm “bốn tại chỗ”, hạn chế để hình thành các điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự...; nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; củng cố, xây dựng, nhân rộng các mô hình tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo hướng tự phòng, tự quản, tự vệ, tự hòa giải...

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai các nội dung và chịu trách nhiệm thẩm tra, thẩm định các chỉ tiêu, tiêu chí do ngành phụ trách đã được phân công tại Quyết định số 463/QĐ-UBND.

- Thực hiện theo dõi, kiểm tra, hỗ trợ huyện Chư Prông đã được giao phân công, phụ trách tại Quyết định số 01/QĐ-BCĐ trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

18. Ban Dân tộc tỉnh:

- Chủ trì, phối hợp với các sở ngành chức năng hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương thực hiện chương trình, chính sách dân tộc trên địa bàn gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

- Chủ trì, phối hợp với sở, ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

- Thực hiện theo dõi, kiểm tra, hỗ trợ huyện Kbang đã được giao phân công, phụ trách tại Quyết định số 01/QĐ-BCĐ trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

19. Đài Phát thanh và Truyền hình Gia Lai, Báo Gia Lai:

Thực hiện công tác tuyên truyền về Chương trình xây dựng nông thôn mới; Phối hợp với cơ quan Thường trực Chương trình (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) tiếp tục thực hiện chuyên trang tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới.

20. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh:

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh thực hiện giám sát và phản biện xã hội đối với việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Tiếp tục tổ chức triển khai Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; nâng cao hiệu quả thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội trong xây dựng nông thôn mới; tăng cường vận động, phát huy vai trò làm chủ của người dân trong xây dựng nông thôn mới; nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.

- Hội Nông dân tỉnh: Triển khai hiệu quả phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”.

- Tỉnh đoàn Gia Lai: Thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới. Phát huy vai trò xung kích, tình nguyện của thanh niên tham gia phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới với hình thức hoạt động đa dạng, phù hợp. Phối hợp với Văn phòng điều phối nông thôn mới triển khai các công trình thanh niên cụ thể để triển khai có hiệu quả các nội dung xây dựng nông thôn mới.

- Hội Phụ nữ tỉnh: Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025”; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, góp phần vun đắp giá trị gia đình Việt Nam”; tham gia xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh và vun đắp giá trị gia đình: An toàn, Trách nhiệm, Thịnh vượng và Bình đẳng. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho phụ nữ về Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, tham gia tích cực vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

21. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Hướng dẫn các xã lập kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 05 năm và hàng năm; tổng hợp kế hoạch vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 05 năm và hàng năm.

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình, gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, xây dựng kế hoạch của tỉnh.

- Báo cáo định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm và báo cáo sơ kết, tổng kết và đột xuất (khi có yêu cầu) kết quả triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp.

- Hướng dẫn các xã áp dụng thực hiện các cơ chế, chính sách trong xây dựng nông thôn mới trên cơ sở hướng dẫn của các Bộ, ngành trung ương và của tỉnh.

- Hướng dẫn thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các Chương trình, dự án trên địa bàn huyện vào kế hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã.

- Tổ chức kiểm tra, theo dõi, đánh giá, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới của các xã trên địa bàn huyện.

- Tổ chức thẩm tra xã đạt chuẩn nông thôn mới và tổng hợp báo cáo kết quả thẩm tra của từng xã, từng năm, gắn với trách nhiệm của từng phòng, ban phụ trách các tiêu chí.

- Thực hiện đúng quy định về nội dung và thời gian việc báo cáo định kỳ, đột xuất các nội dung, kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn theo yêu cầu cấp có thẩm quyền./.

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTGQ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN
2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Ban hành Kèm theo Quyết định số.../QĐ-UBND ngày...tháng...năm.. của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chương trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng NTM	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Sở Khoa học và Công nghệ - UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Các sở, ban, ngành liên quan.
2	Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Các Sở: Khoa học và Công nghệ; Công Thương, Y tế, Văn hóa - Thể thao và Du lịch; Tài nguyên và Môi trường - UBND các huyện, thị xã, thành phố
3	Chương trình Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Sở Tài nguyên và Môi trường; - UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Các sở, ban, ngành liên quan.
4	Chương trình về phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM;	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	- Sở Nông nghiệp và PTNT; - UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Các sở, ban, ngành liên quan.
5	Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Sở Thông tin và Truyền thông; - UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Các sở, ban, ngành liên quan.
6	Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng NTM	Công an tỉnh	- Sở Nông nghiệp và PTNT; - UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Các sở, ban, ngành liên quan.
7	Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 13/02/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy về xây dựng làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	- UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Các sở, ban, ngành liên quan.
8	Chương trình truyền thông phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn	Sở Nông nghiệp và PTNT	- UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Các sở, ban, ngành liên quan.

STT	Chương trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	2021-2025		
9	Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	<ul style="list-style-type: none"> - UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Các sở, ban, ngành liên quan.
10	Kế hoạch thực hiện phong trào thi đua “Gia Lai chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021-2025	Sở Nội vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và PTNT; - UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Các sở, ban, ngành liên quan.

Phụ lục II
DANH SÁCH CÁC XÃ ĐĂNG KÝ PHÂN ĐẤU ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN
MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Ban hành Kèm theo Quyết định số.../QĐ-UBND ngày...tháng...năm.. của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Địa phương	Số lượng xã	Tên xã
Tổng cộng		59	
I	Mục tiêu đạt chuẩn	37	(Trong năm 2021 đã có 4 xã đã đạt chuẩn, gồm các xã: Uar của huyện Krông Pa; H' Bông của huyện Chư Sê; Ia Krái, Ia O của huyện Ia Grai)
1	Huyện K' Bang	6	Đak Rong, Krong, Lơ Ku, Đak Smar, Kon Pne, Kông Long Khong
2	Huyện Ia Pa	1	Kim Tân
3	Huyện Kông Chro	0	
4	Huyện Krông Pa	1	Uar
5	Huyện Chư Prông	1	Ia Tôr
6	Huyện Chư Păh	1	Ia Mơ nông
7	Huyện Chư Sê	3	H' bông, Ayun, Ia Ko
8	Huyện Chư Pưh	2	Ia Hla, Chư Don
9	Huyện Đak Đoa	8	Ia Băng, Ia Pết, Adok, HNol, Trang, Đăk Sơ Mei, Hà Đông, Kon Gang
10	Huyện Đrúc Cơ	0	
11	Huyện Đak Pơ	3	An Thành, Yang Bắc, Ya Hội
12	Huyện Phú Thiện	4	Ia Yeng, Ia Peng, Ia Hiao, Chư A Thai
13	Huyện Ia Grai	6	Ia Krái, Ia O, Ia Chía, Ia Khai, Ia Grăng, Ia Pếch
14	Huyện Mang Yang	1	Kon Thụp
II	Mục tiêu phân đấu	22	
1	Huyện Ia Pa	3	Chư Mô, Chư Răng, Ia Trôk
2	Huyện Kông Chro	4	An Trung, Kông Yang, Đăk Kơ Ning, Yang Nam

STT	Địa phương	Số lượng xã	Tên xã
3	Huyện Krông Pa	4	Chư Gu, Chư Rcăm, Ia Rsum, Chư Drăng
4	Huyện Chư Prông	5	Ia Pior, Ia Pia, Ia Vê, Bình Giáo, Ia Me
5	Huyện Chư Păh	2	Ia Ka, Ia Khưl
6	Huyện Đức Cơ	2	Ia Din, Ia Lang
7	Huyện Mang Yang	2	H'ra, Lơ Pang

Phụ lục III
DANH SÁCH CÁC XÃ ĐĂNG KÝ PHẦN ĐẦU ĐẠT CHUẨN NÔNG
THÔN MỚI NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
Ban hành Kèm theo Quyết định số.../QĐ-UBND ngày...tháng...năm.. của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Địa phương	Số lượng xã	Tên xã
Tổng cộng		43	
I	Mục tiêu đạt chuẩn	22	
1	Huyện K' Bang	2	Sơn Lang; Nghĩa An
2	Huyện Chư Prông	1	Bàu Cạn
3	Huyện Chư Sê	3	Bờ Ngoong, Ia Blang, Ia Pal
4	Huyện Chư Prah	1	Ia Phang
5	Huyện Đak Đoa	2	Nam Yang, Tân Bình
6	Huyện Đak Pơ	1	Tân An
7	Huyện Phú Thiện	1	Ia Ake
8	Huyện Ia Grai	2	Ia Sao, Ia Yok
9	Huyện Mang Yang	1	Đak Djrăng
10	Thành phố Pleiku	4	Trà Đa, Diên Phú, An Phú, Biển Hồ
11	Thị xã An Khê	2	Thành An, Cửu An
12	Thị xã Ayun Pa	2	Ia Rbol, Ia Rtô
II	Mục tiêu phần đầu	21	
1	Huyện Krông Pa	1	Phú Cản
2	Huyện Chư Prông	1	Ia Drang
3	Huyện Chư Păh	4	Nghĩa Hưng, Hòa Phú, Nghĩa Hòa, Ia Nhin
4	Huyện Chư Sê	5	Ia H'lốp, Ia Tiêm, Xã Dun, Bar Maih, Chư Pong

STT	Địa phương	Số lượng xã	Tên xã
5	Huyện Chư Pưh	1	Ia Le
6	Huyện Đak Đoa	3	Glar, KDang, Hải Yang
7	Huyện Mang Yang	1	Đăk Yă
8	Thị xã An Khê	3	Tú An, Song An, Xuân An
9	Thị xã Ayun Pa	2	Chư Băh, Ia Sao

Phụ lục IV
KẾ HOẠCH PHÂN ĐẦU THÔN, LÀNG ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN
MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

Ban hành Kèm theo Quyết định số.../QĐ-UBND ngày...tháng...năm.. của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2022-2025	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
	Tổng cộng	284	56	71	72	85
1	Huyện K'Bang	11		4	4	3
2	Huyện Ia Pa	9		3	3	3
3	Huyện Kông Chro	12		4	3	5
4	Huyện Krông Pa	4	1	1	1	1
5	Huyện Chư Prông	31	3	8	9	11
6	Huyện Chư Păh	5	1			4
7	Huyện Chư Sê	35	10	12	5	8
8	Huyện Chư Pưh	16	5	3	4	4
9	Huyện Đak Đoa	21	3	4	7	7
10	Huyện Đức Cơ	32	7	6	9	10
11	Huyện Đak Pơ	7		1	3	3
12	Huyện Phú Thiện	31	7	7	7	10
13	Huyện Ia Grai	48	12	12	12	12
14	Huyện Mang Yang	9	3	2	2	2
15	Thành phố Pleiku	8	2	2	2	2
16	Thị xã An Khê	3	2		1	
17	Thị xã Ayun Pa	2	0	2	0	

Phụ lục V
KẾ HOẠCH PHÂN ĐẦU ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN
MỖI GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

Ban hành Kèm theo Quyết định số.../QĐ-UBND ngày...tháng...năm.. của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung/Tiêu chí	Chỉ tiêu theo BTC xã nông thôn mới	Chỉ tiêu theo BTC xã nông thôn mới nâng cao	Chỉ tiêu theo BTC huyện nông thôn mới
1	Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá			
	Tiêu chí Quy hoạch	100%	50%	60%
2	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền			
	- Về giao thông	98% số xã đạt TC Giao thông	50% số xã đạt TC Giao thông	60% số huyện đạt TC Giao thông
	- Về thủy lợi	98% số xã đạt TC Thủy lợi và PCTT	50% số xã đạt TC Thủy lợi và PCTT	50% số huyện đạt TC Thủy lợi và PCTT
	- Về điện	98% số xã đạt TC Điện	50% số xã đạt TC Điện	60% số huyện đạt TC Điện
	- Về trường học	90% số xã đạt TC Trường học	50% số xã đạt TC Trường học	60% số huyện đạt TC Y tế - VH-GD
	- Về văn hóa	90% số xã đạt TC Cơ sở vật chất văn hóa	50% số xã đạt TC Văn hóa	60% số huyện đạt TC Y tế - VH-GD
	- Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	100% số xã đạt TC Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	70% số xã đạt chuẩn TC Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	60% số huyện đạt TC Kinh tế
	- Về cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu, làng nghề, ngành nghề nông thôn			60% số huyện đạt TC Kinh tế
	- Về trạm y tế	100% số xã đạt TC Y tế		60% số huyện đạt TC Y tế - VH-GD
	- Về hệ thống cơ sở hạ tầng số, chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn	97% số xã đạt TC Thông tin và Truyền thông	50% số xã đạt TC Thông tin và Truyền thông	
	- Về công trình cấp nước	90% số xã đạt TC Môi trường và ATTP	50% số xã đạt TC Chất lượng môi trường sống	60% số huyện đạt TC Chất lượng môi trường sống

STT	Nội dung/Tiêu chí	Chỉ tiêu theo BTC xã nông thôn mới	Chỉ tiêu theo BTC xã nông thôn mới nâng cao	Chỉ tiêu theo BTC huyện nông thôn mới
	- Về cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn	90% số xã đạt TC Môi trường và ATTP	50% số xã đạt TC Môi trường	60% số huyện đạt TC Môi trường sống
3	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững			
	Tiêu chí Thu nhập	90% số xã đạt TC	50% số xã đạt TC	
	Tiêu chí Lao động	95% số xã đạt TC	50% số xã đạt TC	
	Tiêu chí Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	100% số xã đạt TC	50% số xã đạt TC	
	Tiêu chí Kinh tế			60% số huyện đạt TC
4	Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo			
	Tiêu chí Nhà ở dân cư	90% số xã đạt TC	50% số xã đạt TC	
	Tiêu chí Hộ nghèo	90% số xã đạt TC	50% số xã đạt TC	
5	Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn			
	Tiêu chí Giáo dục và đào tạo	90% số xã đạt TC		
	Tiêu chí Y tế	100% số xã đạt TC	50% số xã đạt TC	
	Tiêu chí Giáo dục		60% số xã đạt TC	
	Tiêu chí Y tế - Văn hóa - Giáo dục			60% số huyện đạt TC
6	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn			
	Tiêu chí Văn hóa	80% số xã đạt TC	50% số xã đạt TC	
	Tiêu chí Y tế - Văn hóa - Giáo dục			60% số huyện đạt TC

STT	Nội dung/Tiêu chí	Chỉ tiêu theo BTC xã nông thôn mới	Chỉ tiêu theo BTC xã nông thôn mới nâng cao	Chỉ tiêu theo BTC huyện nông thôn mới
7	Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam			
	Tiêu chí Môi trường và ATTP	90% số xã đạt TC		
	Tiêu chí Môi trường		50% số xã đạt TC	60% số huyện đạt TC
	Tiêu chí Chất lượng môi trường sống		50% số xã đạt TC	70% số huyện đạt TC
8	Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong NTM, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng NTM thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới			
	Tiêu chí Thông tin và truyền thông	97% số xã đạt TC	50% số xã đạt TC	
	Tiêu chí Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	95% số xã đạt TC		
	Tiêu chí Hành chính công		50% số xã đạt TC	
	Tiêu chí Tiếp cận pháp luật		50% số xã đạt TC	
	Tiêu chí An ninh, trật tự - hành chính công			60% số huyện đạt TC
9	Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM			
	Tiêu chí Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	100% số xã đạt TC		
10	Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn			
	Tiêu chí Quốc phòng và an ninh	99% số xã đạt TC	50% số xã đạt TC	60%
	Tiêu chí An ninh, trật tự - hành chính công			60% số huyện đạt TC